

Số: *112* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng *5* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Định Hóa;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030; Quyết định 706/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng, dự án công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 220/TTr-STNMT ngày 09 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 là 38,61 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi bổ sung các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi bổ sung các loại đất năm 2024 là 38,61 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 là 35,11 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

4. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa:

Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 và Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 30/12/2023. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 và Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh.

Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024.

(Chi tiết Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, từ 20 héc ta đất rừng đặc dụng trở lên Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Hiepch/qđ/t5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến



Phụ lục I

Diện tích phân bổ các loại đất bổ sung năm 2024 huyện Định Hoá

(Kèm theo Quyết định số: 1112/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
			Thị trấn Chợ Chu	Xã Bảo Linh	Xã Định Biên	Xã Đồng Thịnh	Xã Phúc Chu
1	Đất nông nghiệp	35,11	0,48	21,01	3,66	1,91	8,05
1.1	Đất trồng lúa	9,90	0,06	0,99	1,98	1,01	5,86
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,92	0,12	0,08	0,10	0,09	0,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2,87	0,30	2,21	0,05	0,22	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ						
1.5	Đất rừng đặc dụng	14,50		14,50			
1.6	Đất rừng sản xuất	5,02		2,110	1,000	0,42	1,490
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,90		1,12	0,53	0,17	0,08
1.8	Đất nông nghiệp khác						
2	Đất phi nông nghiệp	3,50	0,33	0,56	0,62	0,46	1,53
2.1	Đất ở nông thôn	1,93		0,27	0,47	0,36	0,83
2.2	Đất ở đô thị	0,24	0,24				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan						
2.4	Đất an ninh						
2.5	Đất quốc phòng						
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp						0,02
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp						
2.8	Đất có mục đích công cộng	0,65	0,02	0,12	0,04	0,07	0,40
2.9	Đất cơ sở tôn giáo						
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng						
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng						
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,66	0,07	0,17	0,110	0,03	0,28
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	-					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác						
3	Đất chưa sử dụng						



Phụ lục II

Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2024 huyện Định Hoá

(Kèm theo Quyết định số: 1412 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
			Thị trấn Chợ Chu	Xã Bảo Linh	Xã Định Biên	Xã Đồng Thịnh	Xã Phúc Chu
1	Đất nông nghiệp	35,11	0,48	21,01	3,66	1,91	8,05
1.1	Đất trồng lúa	9,90	0,06	0,99	1,98	1,01	5,86
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,92	0,12	0,08	0,10	0,09	0,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2,87	0,30	2,21	0,05	0,22	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ						
1.5	Đất rừng đặc dụng	14,50		14,50			
1.6	Đất rừng sản xuất	5,02		2,110	1,000	0,42	1,490
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,90		1,12	0,53	0,17	0,08
1.8	Đất nông nghiệp khác						
2	Đất phi nông nghiệp	3,50	0,33	0,56	0,62	0,46	1,53
2.1	Đất ở nông thôn	1,93		0,27	0,47	0,36	0,83
2.2	Đất ở đô thị	0,24	0,24				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan						
2.4	Đất an ninh						
2.5	Đất quốc phòng						
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp						0,02
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp						
2.8	Đất có mục đích công cộng	0,65	0,02	0,12	0,04	0,07	0,40
2.9	Đất cơ sở tôn giáo						
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng						
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng						
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,66	0,07	0,17	0,110	0,03	0,28
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	-					
2.14	Đất phi nông nghiệp khác						
3	Đất chưa sử dụng						



Phụ lục III

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 1412 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
			Thị trấn Chợ Chu	Xã Bảo Linh	Xã Định Biên	Xã Đồng Thịnh	Xã Phúc Chu
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	35,11	0,48	21,01	3,66	1,91	8,05
1.1	Đất trồng lúa	9,90	0,06	0,99	1,98	1,01	5,86
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,92	0,12	0,08	0,10	0,09	0,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2,87	0,30	2,21	0,05	0,22	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ		-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	14,50	-	14,50	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	5,02	-	2,11	1,00	0,42	1,49
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,90	-	1,12	0,53	0,17	0,08
1.8	Đất nông nghiệp khác						
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp						
	Trong đó:						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm						
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng						
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản						
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối						
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản						
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối						
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng						
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng						
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng						



Phụ lục IV

Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Định Hóa

(Kèm theo Quyết định số: ML /QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Quyết định của UBND tỉnh đã duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
	Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 15/7/2023; Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 30/12/2023															
1	Xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Thị trấn Chợ Chu, xã Phúc Chu, xã Bảo Linh, xã Đồng Thịnh, xã Định Biên, huyện Định Hóa	29,70	5,00		8,50	16,20	1	Xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Thị trấn Chợ Chu, xã Phúc Chu, xã Bảo Linh, xã Đồng Thịnh, xã Định Biên, huyện Định Hóa	38,61	9,90		14,50	14,21	Điều chỉnh tăng quy mô diện tích của dự án do có sự điều chỉnh cục bộ một số vị trí hướng tuyến cũ nhằm tránh khu Trung tâm, giảm tối đa nguy cơ sạt lở, đe dọa đến tính mạng con người trong quá trình đưa vào sử dụng. Ban QLDA đường Hồ Chí Minh đã phê duyệt điều chỉnh diện tích dự án đầu tư tại Quyết định số 1268/QĐ-BĐHCM ngày 23/4/2024, phê duyệt thiết kế thi công tại Quyết định số 851/QĐ-BĐHCM ngày 22/3/2024 và phê duyệt hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB tại Quyết định số 856/QĐ-BĐHCM ngày 22/3/2024 theo hướng tuyến đã điều chỉnh cục bộ